

Chương II

KHÁI NIỆM

I- ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA KHÁI NIỆM.

1- Định nghĩa.

Khái niệm là hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng, phản ánh những thuộc tính bản chất của sự vật, hiện tượng.

Mỗi sự vật, hiện tượng đều bao gồm nhiều thuộc tính, khái niệm chỉ phản ánh những thuộc tính bản chất, bỏ qua những thuộc tính riêng biệt, đơn lẻ, không bản chất của sự vật, hiện tượng.

Ví dụ : khái niệm Ghế : Vật được làm ra, dùng để ngồi.

Mỗi sự vật được gọi là Ghế đều có những thuộc tính về màu sắc, về chất liệu, về hình dáng, về kích thước v.v... Song đó là những thuộc tính riêng biệt, không bản chất. Khái niệm Ghế chỉ phản ánh những thuộc tính bản chất của tất cả những cái Ghế trong hiện thực, đó là : “Vật được làm ra” “dùng để ngồi”.

2- Sự hình thành khái niệm.

Khái niệm là hình thức đầu tiên của tư duy trừu tượng. Để hình thành khái niệm, tư duy cần sử dụng các phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp,

trừu tượng hóa, khái quát hóa, trong đó so sánh bao giờ cũng gắn liền với các thao tác phân tích, tổng hợp, trừu tượng hóa, khái quát hóa.

Bằng sự phân tích, ta tách được sự vật, hiện tượng thành những bộ phận khác nhau, với những thuộc tính khác nhau. Từ những tài liệu phân tích này mà tổng hợp lại, tư duy vạch rõ đâu là những thuộc tính riêng lẻ (nói lên sự khác nhau giữa các sự vật) và đâu là thuộc tính chung, giống nhau giữa các sự vật được tập hợp thành một lớp sự vật.

Trên cơ sở phân tích và tổng hợp, tư duy tiến đến trừu tượng hóa, khái quát hóa.

Bằng trừu tượng hóa, tư duy bỏ qua những thuộc tính riêng lẻ, đó là những biểu hiện bên ngoài, những cái ngẫu nhiên, thoáng qua, không ổn định để đi vào bên trong, nắm lấy những thuộc tính chung, bản chất, qui luật của sự vật.

Sau trừu tượng hóa là khái quát hóa, tư duy nắm lấy cái chung, tất yếu, cái bản chất của sự vật. nội dung đó trong tư duy được biểu hiện cụ thể bằng ngôn ngữ, có nghĩa là phải đặt cho nó một tên gọi – Đó chính là khái niệm.

Như vậy, về hình thức, khái niệm là một tên gọi, một danh từ, nhưng về nội dung, nó phản ánh bản chất của sự vật.

3- Khái niệm và từ.

Khái niệm luôn gắn bó chặt chẽ với từ. Từ là cái vỏ vật chất của khái niệm, nếu không có từ, khái niệm không hình thành và tồn tại được. Có thể nói, quan hệ từ và khái niệm cũng như quan hệ giữa ngôn ngữ và tư tưởng. Mác nói : “Ngôn ngữ là hiện thực của tư tưởng”.

Khái niệm thường được biểu thị bằng từ hay cụm từ.

Ví dụ : Rượu, hàng hóa, hệ thống mặt trời v.v....

Khái niệm về cùng một đối tượng là có tính phổ biến, nó có giá trị chung cho toàn nhân loại, không phân biệt dân tộc, quốc gia. Tuy vậy, khái niệm lại biểu thị bằng những từ khác nhau ở những ngôn ngữ khác nhau.

Ví dụ : Khái niệm CÁ : Động vật có xương sống, sống dưới nước, bơi bằng vây, thở bằng mang, được diễn tả bằng từ cá trong tiếng Nga, từ FISH trong tiếng Anh v.v....

Cùng một thứ ngôn ngữ, mỗi khái niệm cũng có thể được diễn đạt bằng nhiều từ khác nhau (từ đồng nghĩa).

Ví dụ : Khái niệm : Loài thú dữ ăn thịt, cùng họ với mèo, lông màu vàng có vằn đen, được diễn đạt bằng các từ ; CỌP, HÙM, HỔ.

Cùng một thứ ngôn ngữ, mỗi từ có thể diễn đạt nhiều khái niệm khác nhau (từ đồng âm, từ nhiều nghĩa).

Ví dụ : Từ ĐỒNG biểu thị các khái niệm : ĐỒNG RUỘNG, ĐỒNG KIM LOẠI.

Khái niệm là sự phản ánh hiện thực khách quan, còn từ là sự qui ước được hình thành trong quá trình giao tiếp của từng cộng đồng người.

II- NỘI HÀM VÀ NGOẠI DIÊN CỦA KHÁI NIỆM.

1- Định nghĩa.

- Nội hàm của khái niệm là tổng hợp những thuộc tính bản chất của lớp các đối tượng được phản ánh trong khái niệm.

Ví dụ : Khái niệm CÁ có nội hàm là : Động vật có xương sống, sống dưới nước, bơi bằng vây, thở bằng mang.

Nội hàm của khái niệm, CÁ là tổng hợp các thuộc tính bản chất của mọi con cá. Như vậy, ý nghĩa của khái niệm do chính nội hàm của khái niệm đó qui định. Nội hàm của khái niệm biểu thị mặt CHẤT của khái niệm, nó trả lời cho câu hỏi : Đối tượng mà khái niệm đó phản ánh là cái gì ?

- Ngoại diên của khái niệm là toàn thể những đối tượng có thuộc tính bản chất được phản ánh trong khái niệm.

Mỗi đối tượng là một phần tử tạo nên ngoại diên, còn ngoại diên của khái niệm là tập hợp tất cả các phần tử của lớp các đối tượng đó. Ngoại diên

của khái niệm biểu thị mặt LƯỢNG của khái niệm, nó trả lời cho câu hỏi : Lớp các đối tượng mà khái niệm đó phản ánh có bao nhiêu?

Ngoại diện của khái niệm có thể là một tập hợp vô hạn, gồm vô số các đối tượng. Ví dụ : khái niệm NGÔI SAO. Cũng có thể là một tập hợp hữu hạn, có thể liệt kê hết được các đối tượng : Ví dụ : khái niệm CON NGƯỜI. Cũng có khái niệm mà ngoại diện chỉ bao gồm một đối tượng : Ví dụ : khái niệm : SÔNG HỒNG.

2- Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diện của khái niệm.

Trong mỗi khái niệm, nội hàm và ngoại diện luôn thống nhất và gắn bó mật thiết với nhau. Mỗi nội hàm tương ứng với một ngoại diện xác định. Tuy vậy, sự tương quan giữa nội hàm và ngoại diện của khái niệm có tính chất tỷ lệ nghịch. Nếu ngoại diện của một khái niệm càng nhiều đối tượng bao nhiêu thì nội hàm của nó càng nghèo nàn bấy nhiêu và ngược lại.

Có thể phát biểu về sự tương quan giữa nội hàm và ngoại diện của các khái niệm như sau : Nếu ngoại diện của một khái niệm bao hàm trong nó ngoại
13
diện của khái niệm khác thì nội hàm của khái niệm thứ nhất là một bộ phận của nội hàm khái niệm thứ hai.

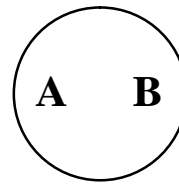
III- QUAN HỆ GIỮA CÁC KHÁI NIỆM.

Quan hệ giữa các khái niệm chính là quan hệ giữa ngoại diên của các khái niệm. Giữa các khái niệm, có thể có các quan hệ sau đây :

1- Quan hệ đồng nhất.

Hai khái niệm đồng nhất là hai khái niệm có cùng ngoại diên.

Ví dụ : Paris (A) và thủ đô nước Pháp (B).



Đây là hai khái niệm đồng nhất vì Paris chính là thủ đô nước Pháp và thủ đô nước Pháp cũng chính là Paris. Nghĩa là ngoại diên của hai khái niệm này cùng phản ánh một đối tượng.

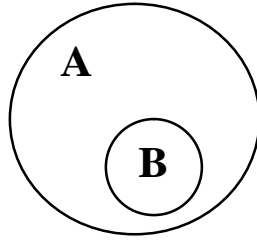
Tương tự ta có : Tam giác cân và Tam giác có hai góc bằng nhau, Nguyễn Du và tác giả Truyện Kiều là những khái niệm đồng nhất. Như vậy, hai khái niệm đồng nhất là hai khái niệm mà ngoại diên của chúng có chung số đối tượng.

2- Quan hệ bao hàm.

Quan hệ giữa một khái niệm rộng hơn với một khái niệm hẹp hơn.

Quan hệ bao hàm là quan hệ giữa hai khái niệm mà ngoại diên của khái niệm này chứa trong nó ngoại diên của khái niệm khác.

Ví dụ : Học sinh (A) và Học sinh trung học (B).



Một bộ phận của Học sinh là Học sinh trung học, ngoại diên của khái niệm Học sinh bao hàm ngoại diên khái niệm Học sinh trung học.

Tương tự ta có các khái niệm Người lao động và Công nhân hoặc Thực vật và Cây trâm bầu là những khái niệm có quan hệ bao hàm.

Lưu ý : Không nên lẫn lộn Quan hệ bao hàm giữa các khái niệm với Quan hệ giữa toàn thể và bộ phận trong cấu trúc của đối tượng.

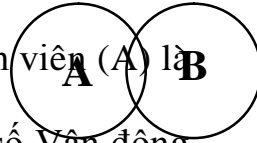
Ví dụ : quan hệ giữa : Quận Tân Bình và Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Sở Giáo dục, Trái Đất và Hệ mặt trời v.v... là quan hệ giữa bộ phận và toàn thể.

Rõ ràng Quận Tân Bình là một đơn vị hành chính nằm trong Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng khái niệm Thành phố Hồ Chí Minh lại không bao hàm khái niệm Quận Tân Bình vì khái niệm Thành phố Hồ Chí Minh là khái niệm đơn nhất, nghĩa là ngoại diên của nó hẹp nhất, chỉ có một đối tượng duy nhất, do đó nó không thể bao hàm một đối tượng nào khác.

3- Quan hệ giao nhau.

Hai khái niệm giao nhau là hai khái niệm mà ngoại diên của chúng có một số đối tượng chung.

Ví dụ : Sinh viên (A) và ¹⁵Vận động viên (B) là hai khái niệm giao nhau vì có một số Sinh viên (A) là Vận động viên (B) và ngược lại, có một số Vận động viên (B) là Sinh viên (A).



Tương tự ta có các khái niệm Thầy giáo và Nhà thơ, Phụ nữ và Người anh hùng v.v... là những khái niệm giao nhau.

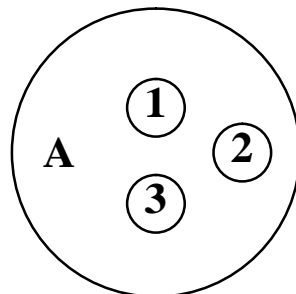
Như vậy, hai khái niệm giao nhau là hai khái niệm mà một bộ phận ngoại diên của chúng trùng nhau. Nghĩa là một bộ phận của ngoại diên khái niệm này đồng thời là một bộ phận của ngoại diên khái niệm kia.

4- Quan hệ cùng nhau phụ thuộc.

Là quan hệ giữa các hạng trong cùng một loại.

Quan hệ cùng phụ thuộc là quan hệ giữa các khái niệm mà ngoại diên của chúng không có đối tượng chung, ngoại diên của chúng chỉ là những bộ phận của ngoại diên một khái niệm khác.

Ví dụ : Hà nội (1), thành phố Hồ Chí Minh (2), Luân đôn (3) và thành phố (A).

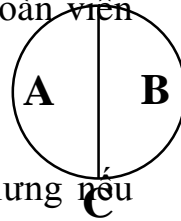


Hà nội (1), thành phố Hồ Chí Minh (2), Luân đôn (3) là những khái niệm ngang hàng (khái niệm hạng) cùng phụ thuộc khái niệm thành phố (A) (khái niệm loại).

5- Quan hệ mâu thuẫn.

Hai khái niệm mâu thuẫn là hai khái niệm có nội hàm phủ định lẫn nhau, ngoại diên của chúng hoàn toàn tách rời (không có đối tượng chung) và tổng ngoại diên của chúng đúng bằng¹⁶ ngoại diên của một khái niệm khác.

Ví dụ : Nam đoàn viên (A) và Nữ đoàn viên (B).

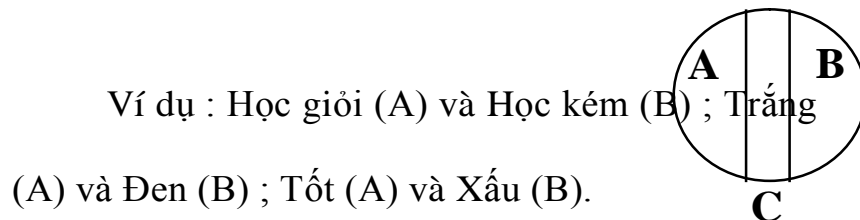


Hai khái niệm này tách rời nhau nhưng nếu gộp ngoại diên của chúng lại thì đúng bằng ngoại diên của khái niệm Đoàn viên (C).

Tương tự ta có các khái niệm : Học giỏi và Học không giỏi là những khái niệm mâu thuẫn. Vì nội hàm của chúng phủ định nhau và ngoại diên của chúng đúng bằng ngoại diên của khái niệm : Học lực.

6- Quan hệ đối chọi.

Hai khái niệm đối chọi là hai khái niệm mà nội hàm của chúng có những thuộc tính trái ngược nhau, còn ngoại diên của chúng chỉ là hai bộ phận của ngoại diên một khái niệm khác.



là những khái niệm đối chọi nhau vì nội hàm của các cặp khái niệm có những thuộc tính trái ngược nhau, còn ngoại diên của chúng chỉ là những bộ phận của ngoại diên các khái niệm : Học lực (C), Màu sắc (C), Phẩm chất (C).

IV-CÁC LOẠI KHÁI NIỆM. 17

1- Khái niệm cụ thể và khái niệm trừu tượng.

- Khái niệm cụ thể là khái niệm phản ánh những đối tượng xác định trong hiện thực.

Ví dụ : Bông hoa, Khẩu súng, Mặt trời v.v...

- Khái niệm trừu tượng là khái niệm phản ánh các thuộc tính, các quan hệ của đối tượng.

Ví dụ : Tình yêu, Lòng căm thù, Tốt, Đẹp v.v...